

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1090 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các công trình Khu tái định cư thuộc Tiểu dự án GPMB, Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 6677
	Ngày: 10/7/18
	Chuyển:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 28/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 và Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Tiểu dự án GPMB Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng Khu tái định cư Mẫu Trạch 2 phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Khu tái định cư Cây Trâm thuộc Tiểu dự án GPMB dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Khu tái định cư Đồng Sát Dưới thuộc Tiểu dự án GPMB dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Khu tái định cư Công Khánh thuộc Tiểu dự án GPMB dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình

Khu tái định cư Đồng Bà Tiên thuộc Tiểu dự án GPMB dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km1027-Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Khu tái định cư Đồng Cù thuộc Tiểu dự án GPMB dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 26/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ thuộc Tiểu dự án GPMB dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 36/TTr-SGTVT ngày 10/4/2018 và của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 1945/SXD-ĐT&HT ngày 03/7/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các công trình Khu tái định cư thuộc Tiểu dự án GPMB, Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung chính sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

a) Khu tái định cư Mẫu Trạch 2:

- Công trình giao thông:

+ Bổ sung bó vỉa đoạn nút giao Quốc lộ 1 bằng BTXM M300, chiều dài bổ sung 67,26m.

+ Bổ sung khối lượng bù vênh CPĐD thay cho lớp đất đồi $K \geq 0,95$, đồng thời cắt giảm khối lượng bù vênh đất đắp nền đường $K \geq 0,95$.

- Công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ Gia cố tuyến mương đất nội đồng hiện hữu bằng BTXM để đảm bảo tránh xói lở, phát huy hiệu quả việc cung cấp nguồn nước tưới tiêu cho đồng ruộng hiện trạng.

+ Thay đổi thiết kế cống dọc đoạn giữa các hố ga (M03-M04), (M04-M05) và (M14-M15) chịu tải trọng H30-XB80 thay H10-X60 nhằm đảm bảo chịu tải trọng của đường giao thông.

+ Bổ sung xi phông thép D200 tại nút giao N06 do hệ thống cấp nước (ống HDPE) vướng vào hệ thống cống thoát nước dọc.

+ Dịch chuyển vị trí hố ga NT2 và điều chỉnh cao độ đoạn cống thải D400 giữa hố ga (NT10-NT11) để đảm bảo tránh giao cắt giữa các tuyến cống.

+ Bổ sung cọc phân lô để cắm cọc bố trí đất tái định cư cho các hộ dân. Cọc bằng bê tông đá 1x2, kích thước $L \times B \times H = (0,1 \times 0,1 \times 0,5)$ m.

+ Bổ sung vị trí đầu nối cấp nước tạm thời tại Khu dân cư Bàu Mang để cung cấp nước sạch cho các hộ dân tái định cư.

b) Khu tái định cư Cây Trâm:

- Công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ Bổ sung hố ga và chiều dài mương B300 từ vị trí điểm cuối mương B300 đã được phê duyệt trong thiết kế bản vẽ thi công kèm theo Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh để phát huy hiệu quả việc cung cấp nước tưới tiêu cho đồng ruộng hiện trạng.

+ Bổ sung thiết kế san nền khu vực nằm giữa Quốc lộ 1 và Khu tái định cư: San nền sau khi hoàn thiện thấp hơn cao độ mặt đường Quốc lộ 1 khoảng 0,5m; bố trí mương thu nước mặt khu san nền bổ sung; gia cố mái taluy phía Nam khu tái định cư kết cấu bằng bê tông M150; trồng cây xanh trong phạm vi san nền bổ sung.

+ Bổ sung công việc khoan khảo sát và thí nghiệm chất lượng nước.

c) Khu tái định cư Đồng Sát Dưới:

- Công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Bổ sung chiều dài nối cống BTLT D1000 tại vị trí cống cũ hiện trạng để đảm bảo thoát nước và ổn định nền đường.

- Điều chỉnh, bổ sung khối lượng chênh lệch trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công so với thực tế cho các phần việc: Bê tông tấm lát và diện tích lát mái taluy.

- Bổ sung cọc phân lô để cắm cọc bố trí đất tái định cư cho các hộ dân. Cọc bằng bê tông đá 1x2, kích thước LxBxH = (0,1x0,1x0,5)m.

d) Khu tái định cư Công Khánh:

- Công trình giao thông:

+ Điều chỉnh giảm cao độ tại nút giao N02, cắt giảm đoạn tường chắn và thay bằng gia cố mái taluy từ cọc N02-N04 để phù hợp hiện trạng nhà dân.

+ Bổ sung tường chắn hạ lưu cống thoát nước ngang D1500 để tránh gây sạt lở cho đất canh tác của người dân.

- Hệ thống cấp điện:

+ Điều chỉnh vị trí đầu nối hạng mục cấp điện từ vị trí trụ điện số 30a sang vị trí trụ điện số 31, đồng thời bổ sung các vị trí trụ điện 31/1 và 31/2 để dẫn điện về khu tái định cư.

+ Tổng chiều dài tuyến đường dây hạ thế xây dựng mới sau điều chỉnh là 122,4m.

- Công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ Bổ sung thiết kế san nền khu vực nằm giữa Quốc lộ 1 và Khu tái định cư: San nền sau khi hoàn thiện cao hơn cao độ đỉnh chân khay taluy đường Quốc lộ 1 khoảng 0,5m; thiết kế mương nối tại vị trí cống tròn D1500 qua đường từ Quốc lộ 1 về khu dân cư; gia cố mái taluy phía Nam khu tái định cư kết cấu bằng bê tông M150; trồng cây xanh trong phạm vi san nền bổ sung.

+ Bổ sung công việc khoan khảo sát và thí nghiệm chất lượng nước.

e) Khu tái định cư Đồng Bà Tiễn:

- Công trình giao thông:

+ Thiết kế bổ sung cống thoát nước ngang D800 trên tuyến vượt nối vào đường dân sinh tại lý trình Km0+009,29.

+ Bổ sung cọc tiêu dọc bên phải tuyến số 1.

+ Giảm khối lượng gia cố mái taluy cho phù hợp với thiết kế san nền bổ sung.

- Công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ Điều chỉnh, bổ sung khối lượng chênh lệch trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công so với thực tế cho các phân việc: Bê tông móng cống D600, mương hộp thoát nước B400, đào vét mương dẫn dòng và bê tông hào kỹ thuật.

+ Bổ sung cọc phân lô để cắm cọc bố trí đất tái định cư cho các hộ dân. Cọc bằng bê tông đá 1x2 M200, kích thước LxBxH = (0,1x0,1x0,5)m.

+ Bổ sung thiết kế san nền khu vực nằm giữa Quốc lộ 1 và Khu tái định cư: San nền sau khi hoàn thiện thấp hơn cao độ mặt đường Quốc lộ 1 khoảng 0,5m; thiết kế đoạn mương hở có bề rộng đáy 2,0m, cao 1,5m, mái taluy 1:1,5; trồng cây xanh trong phạm vi san nền bổ sung.

f) Khu tái định cư Đồng Cù:

- Công trình giao thông:

+ Cắt giảm gia cố mái taluy nền đường trong phạm vi san nền giữa Khu tái định cư với tuyến Quốc lộ 1.

+ Điều chỉnh gia cố mái taluy nền đường tuyến số 3 từ mái taluy gia cố bằng bê tông M150 sang gia cố bằng bê tông tấm lát M200, kích thước (50x50x5)cm có trồng cỏ.

- Công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ Bổ sung thiết kế san nền khu vực nằm giữa Quốc lộ 1 và Khu tái định cư: San nền sau khi hoàn thiện thấp hơn cao độ mặt đường Quốc lộ 1 khoảng 0,5m; thiết kế đoạn mương hở có bề rộng đáy 2,0m, cao 1,5m, mái taluy 1:1,5; trồng cây xanh trong phạm vi san nền bổ sung.

+ Bổ sung công việc khoan khảo sát và thí nghiệm chất lượng nước.

g) Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ:

- Công trình giao thông:

+ Cắt giảm hạng mục gia cố mái taluy bên trái tuyến số 2 do đầu tư phân dải cây xanh cách ly và mương hở dọc nằm giữa tuyến số 2 và Quốc lộ 1.

+ Bổ sung khối lượng thép tròn truyền lực D25 khe co, khe dẫn mặt đường nhằm bảo đảm tính ổn định và làm việc liên tục giữa các tấm bê tông.

+ Bổ sung khối lượng bó vữa L = 21,5m tại nút giao thông N1, N2.

+ Bổ sung hai biển báo tại tuyến đường nội bộ số 4, cụ thể: Biển báo 423B (Km0+396,37) - trái tuyến và biển báo 408 (Km0+406,37) - trái tuyến.

+ Điều chỉnh kích thước 02 biển báo tại vị trí giao cắt với Quốc lộ 1 từ 70cm lên 90cm nhằm phù hợp với quy chuẩn QCVN41:2016.

- Hệ thống cấp điện: Xây dựng thêm 02 hố cáp phụ và 216,2m đường cáp phụ so với khối lượng được phê duyệt.

- Công trình thủy lợi:

+ Bổ sung 02 dàn van tại lý trình Km0+279,75 và Km0+551,18.

+ Bổ sung 01 cống tưới D400 tại Km0+656,23, L = 10m, gồm các đốt cống ly tâm lắp ghép, kết cấu bằng bê tông cốt thép M300, đá (1x2)cm để đảm bảo cấp nước cho khu vực đồng ruộng phía hạ lưu.

+ Điều chỉnh khẩu độ 02 công hộp thoát nước ngang, từ 01 khoang tiết diện BxH = (200x150)cm thành 02 khoang, mỗi khoang tiết diện BxH = (200x150)cm, kết cấu bằng bê tông cốt thép M300, đá (1x2)cm để đảm bảo thoát nước, không gây ứ đọng nước trong khu vực công trình.

- Công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ Bổ sung hố ga hào kỹ thuật hai bên tại các vị trí hố ga thu nước thải NT1, NT11, NT21, đồng thời bố trí ống nhựa PVC D200 chèn đầu nổi để đảm bảo tránh giao cắt giữa các tuyến cống.

+ Điều chỉnh, bổ sung khối lượng chênh lệch trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công so với thực tế cho các phần việc: Cốt thép thân hào kỹ thuật B500; đào, đắp đất hố móng bộ xử lý nước thải.

+ Bổ sung cọc phân lô để cắm cọc bố trí đất tái định cư cho các hộ dân. Cọc bằng bê tông đá 1x2 M200, kích thước LxBxH=(0,1x0,1x0,5)m.

+ Điều chỉnh giảm số lượng cây xanh và hố trồng cây tại các vị trí trùng với trụ điện chiếu sáng.

+ Bổ sung thiết kế san nền khu vực nằm giữa Quốc lộ 1 và Khu tái định cư: San nền sau khi hoàn thiện thấp hơn cao độ mặt đường Quốc lộ 1 khoảng 0,5m; thiết kế đoạn đường hờ có bề rộng đáy 2,0m, cao 1,5m, mái taluy 1:1,5; trồng cây xanh trong phạm vi san nền bổ sung.

2. Giá trị dự toán xây dựng điều chỉnh, bổ sung:

2.1. Khu tái định cư Mẫu Trạch 2:

a) Kinh phí phần việc điều chỉnh, bổ sung: - **491.082.000 đồng.**

(Bằng chữ: (giảm) Bốn trăm chín mươi một triệu, không trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	132.062.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	- 33.034.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	5.664.000 đồng.
- Chi phí khác:	4.226.000 đồng.
- Chi phí bồi thường, GPMB:	- 600.000.000 đồng.

b) Giá trị dự toán công trình điều chỉnh: **11.812.172.000 đồng.**

(Bằng chữ: Mười một tỷ, tám trăm mười hai triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn đồng)

Trong đó:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Khoản mục chi phí	Đã được phê duyệt	Điều chỉnh	Tăng (+) giảm (-)
1	Chi phí xây dựng	8.746.955	8.879.017	132.062
2	Chi phí thiết bị	114.339	114.339	0
3	Chi phí quản lý dự án	178.667	145.633	-33.034
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	462.877	468.541	+5.664
5	Chi phí khác	603.992	608.218	4.226
6	Chi phí bồi thường, GPMB	1.200.000	600.000	-600.000
7	Chi phí dự phòng	505.342	996.424	491.082
	Tổng cộng	11.812.172	11.812.172	0

2.2. Khu tái định cư Cây Trâm:

a) Kinh phí phân việc điều chỉnh, bổ sung: **1.851.761.000 đồng**.

(Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm năm mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 1.218.281.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: -63.560.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 57.171.000 đồng.
- Chi phí khác: 87.422.000 đồng.
- Chi phí bồi thường, GPMB: 552.447.000 đồng.

b) Giá trị dự toán công trình điều chỉnh: **13.264.562.000 đồng**

(Bằng chữ: Mười ba tỷ, hai trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng)

Trong đó:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Khoản mục chi phí	Đã được phê duyệt	Điều chỉnh	Tăng (+) giảm (-)
1	Chi phí xây dựng	7.641.830	8.860.111	1.218.281
2	Chi phí thiết bị	121.947	121.947	0
3	Chi phí quản lý dự án	204.737	141.177	- 63.560
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	635.182	692.353	57.171
5	Chi phí khác	809.105	896.527	87.422
6	Chi phí bồi thường, GPMB	2.000.000	2.552.447	552.447
7	Chi phí dự phòng	470.640	0	- 470.640
	Tổng cộng	11.883.441	13.264.562	1.381.121

3.3. Khu tái định cư Đồng Sát Dưới:

a) Kinh phí phân việc điều chỉnh, bổ sung: **-408.552.000 đồng**.

(Bằng chữ: (giảm) Bốn trăm lẻ tám triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: -81.656.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: -61.502.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: -4.022.000 đồng.
- Chi phí khác: -2.450.000 đồng.
- Chi phí bồi thường, GPMB: -258.922.000 đồng.

b) Giá trị dự toán công trình điều chỉnh: **7.671.674.000 đồng.**

(*Bằng chữ: Bảy tỷ, sáu trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*)

Trong đó:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Khoản mục chi phí	Đã được phê duyệt	Điều chỉnh	Tăng (+) giảm (-)
1	Chi phí xây dựng	4.914.845	4.833.189	-81.656
2	Chi phí quản lý dự án	126.789	65.287	-61.502
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	511.439	507.417	-4.022
4	Chi phí khác	610.426	607.976	-2.450
5	Chi phí bồi thường, GPMB	1.200.000	941.078	-258.922
6	Chi phí dự phòng	308.175	716.727	408.552
	Tổng cộng	7.671.674	7.671.674	0

2.4. Khu tái định cư Công Khánh:

a) Kinh phí phần việc điều chỉnh, bổ sung: - **532.021.000 đồng.**

(*Bằng chữ: (giảm) Năm trăm ba mươi hai triệu, không trăm hai mươi một nghìn đồng*)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 78.049.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: - 64.950.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 2.093.000 đồng.
- Chi phí khác: 18.276.000 đồng.
- Chi phí bồi thường, GPMB: - 565.489.000 đồng.

b) Giá trị dự toán công trình điều chỉnh: **8.669.760.000 đồng.**

(*Bằng chữ: Tám tỷ, sáu trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*)

Trong đó:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Khoản mục chi phí	Đã được phê duyệt	Điều chỉnh	Tăng (+) giảm (-)
1	Chi phí xây dựng	5.595.385	5.673.434	+78.049
2	Chi phí quản lý dự án	150.856	85.906	-64.950
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	463.325	465.418	+2.093
4	Chi phí khác	618.777	637.053	+18.276
5	Chi phí bồi thường, GPMB	1.500.000	934.511	-565.489
6	Chi phí dự phòng	341.417	873.438	+532.021
	Tổng cộng	8.669.760	8.669.760	0

2.5. Khu tái định cư Đồng Bà Tiến:

a) Kinh phí phân việc điều chỉnh, bổ sung: **197.527.000 đồng.**

(Bằng chữ: Một trăm chín mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 507.519.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: -91.838.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 197.552.000 đồng.
- Chi phí khác: 16.241.000 đồng.
- Chi phí bồi thường, GPMB: -431.947.000 đồng.

b) Giá trị dự toán công trình điều chỉnh: **12.929.839.000 đồng.**

(Bằng chữ: Mười hai tỷ, chín trăm hai mươi chín triệu, tám trăm ba mươi chín nghìn đồng)

Trong đó:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Khoản mục chi phí	Đã được phê duyệt	Điều chỉnh	Tăng (+) giảm (-)
1	Chi phí xây dựng	8.551.380	9.058.899	507.519
2	Chi phí quản lý dự án	228.889	137.051	-91.838
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	527.546	725.098	197.552
4	Chi phí khác	863.460	879.701	16.241
5	Chi phí bồi thường, GPMB	2.250.000	1.818.053	-431.947
6	Chi phí dự phòng	508.564	311.037	-197.527
	Tổng cộng	12.929.839	12.929.839	0

2.6. Khu tái định cư Đồng Cù:

a) Kinh phí phân việc điều chỉnh, bổ sung: **1.468.577.000 đồng.**

(Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 273.595.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: -153.218.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 13.745.000 đồng.
- Chi phí khác: 36.747.000 đồng.
- Chi phí bồi thường, GPMB: 1.297.708.000 đồng.

b) Giá trị dự toán công trình điều chỉnh: **19.837.595.000 đồng.**

(Bằng chữ: Mười chín tỷ, tám trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng)

Trong đó:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Khoản mục chi phí	Đã được phê duyệt	Điều chỉnh	Tăng (+) giảm (-)
1	Chi phí xây dựng	13.779.437	14.053.032	273.595
2	Chi phí thiết bị	140.181	140.181	0
3	Chi phí quản lý dự án	353.393	200.175	-153.218
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	929.169	942.914	13.745
5	Chi phí khác	1.166.838	1.203.585	36.747
6	Chi phí bồi thường, GPMB	2.000.000	3.297.708	1.297.708
7	Chi phí dự phòng	818.451	0	-818.451
	Tổng cộng	19.187.469	19.837.595	650.126

2.7. Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ:

a) Kinh phí phần việc điều chỉnh, bổ sung: **2.141.716.000 đồng.**

(Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm bốn mươi một triệu, bảy trăm mười sáu nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 1.659.841.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: -338.117.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 82.936.000 đồng.
- Chi phí khác: 68.435.000 đồng.
- Chi phí bồi thường, GPMB: 668.621.000 đồng.

b) Giá trị dự toán công trình điều chỉnh: **54.928.971.000 đồng.**

(Bằng chữ: Năm mươi bốn tỷ, chín trăm hai mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi một nghìn đồng)

Trong đó:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Khoản mục chi phí	Đã được phê duyệt	Điều chỉnh	Tăng (+) giảm (-)
1	Chi phí xây dựng	37.801.351	39.461.192	1.659.841
2	Chi phí thiết bị	276.438	276.438	0
3	Chi phí quản lý dự án	1.013.171	675.054	-338.117
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	2.609.890	2.692.826	82.936
5	Chi phí khác	3.526.741	3.595.176	68.435
6	Chi phí bồi thường, GPMB	7.440.000	8.108.621	668.621
7	Chi phí dự phòng	2.261.380	119.664	-2.141.716
	Tổng cộng	54.928.971	54.928.971	0

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi dự toán được duyệt, sớm đưa công trình vào khai thác, phát huy có hiệu quả.

2. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 1945/SXD-ĐT&HT ngày 03/7/2018.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại các Quyết định: Số 195/QĐ-UBND ngày 10/02/2017, số 606/QĐ-UBND ngày 03/4/2017, số 607/QĐ-UBND ngày 03/4/2017, số 608/QĐ-UBND ngày 03/4/2017, số 610/QĐ-UBND ngày 03/4/2017, số 733/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 và số 790/QĐ-UBND ngày 26/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: TH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.439.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tăng Bính